

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022-2023
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-ĐHGD ngày tháng 12 năm 2022 của Trường Đại học Giáo dục)

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiểu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
1	EAM2052	EAM2052 4÷5	Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục	2	EAM2052 4÷5	90	2	Đợt 1	Trắc nghiệm	60 phút	08h30	28/11	Hòa Lạc	Ca 1	
2	PSE3063	PSE3063 1÷2	Nghệ thuật đọc, kể tác phẩm văn học	2	PSE3063 1÷2	82	2	Đợt 1	Thực hành	Cả ngày	Theo lịch của khoa Các Khoa học giáo dục	15/12			
3	PSE3033	PSE3033	Phân tích và quản lý hành vi lớp học	1	PSE3033	42	2	Đợt 1	Tự luận	120 phút	13h30	28/12	P425-B2	Ca 3	
4	EAM4005	EAM4005	Nhập môn thiết kế điều tra khảo sát	1	EAM4005	50		Đợt 1	Tiểu luận			28/12	P602-C0		
5	EAM3008	EAM3008	Quản lý chất lượng tổng thể	1	EAM3008	40		Đợt 1	Tiểu luận			28/12	P602-C0		
6	PSE3013	PSE3013	Đo lường và đánh giá trong tâm lý- giáo dục	1	PSE3013	47	1	Đợt 1	Vấn đáp		Theo lịch của khoa Các Khoa học giáo dục	29/12	P432-B2		
7	EAM3015	EAM3015 1÷3	Đánh giá năng lực người học	3	EAM3015 1÷3	141		Đợt 1	Tiểu luận			30/12	P602-C0		
8	EAM2009	EAM2009	Giáo dục và cộng đồng châu Á	1	EAM2009	51		Đợt 1	Tiểu luận			30/12	P602-C0		
9	EAM2006	EAM2006	Tư duy thiết kế	1	EAM2006	37		Đợt 1	Tiểu luận			30/12	P602-C0		
10	EAM4006	EAM4006	Giáo dục so sánh	1	EAM4006	29		Đợt 1	Tiểu luận			31/12	P602-C0		
11	HIS1001	HIS1001 1÷5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	5	HIS1001 1÷5	361	13	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	03/01	C0	Ca 1	
12	MAT2314	MAT2314 1÷3	Phương trình vi phân	3	MAT2314 1÷3	115	4	Đợt 1	Tự luận	90 phút	09h30	03/01	C0	Ca 2	

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiêu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
13	INT2211	INT2211 1÷2	Cơ sở dữ liệu	2	INT2211 1÷2	104	3	Đợt 1	Tự luận	90 phút	09h30	03/01	C0	Ca 2	
14	LIT3005	LIT3005 1÷2	Văn học Việt Nam từ thế kỷ 10 đến giữa thế kỷ 18	2	LIT3005 1÷2	104	4	Đợt 1	Tự luận	90 phút	09h30	03/01	C0	Ca 2	
15	EAM3002	EAM3002 1÷3	Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục	3	EAM3002 1÷3	116	3	Đợt 1	Trắc nghiệm kết hợp tự luận	90 phút	09h30	03/01	C0	Ca 2	
16	EAM3007	EAM3007	Quản lý chất lượng theo hệ thống ISO	1	EAM3007	40	2	Đợt 1	Tự luận	90 phút	13h30	03/01	C0	Ca 3	
17	TMT2067	TMT2067	Phương pháp dạy học Lịch sử	1	TMT2067	11	1	Đợt 1	Thực hành		Theo lịch của Khoa Sư phạm	03/01	C0	Ca 3	
18	EDT2002	EDT2002 1÷4	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	EDT2002 1÷4	188	4	Đợt 1	Thực hành kết hợp vấn đáp	Chiều	Theo lịch của khoa Công nghệ giáo dục	03/01	C0	Ca 3	
19	TMT2079	TMT2079 1÷2	Sinh lí trẻ em lứa tuổi tiểu học	2	TMT2079 1÷2	88	3	Đợt 1	Tự luận	90 phút	15h30	03/01	C0	Ca 4	
20	PSY2024	PSY2024	Công tác xã hội đại cương	1	PSY2024	45	2	Đợt 1	Tự luận	90 phút	15h30	03/01	C0	Ca 4	
21	CAL3007	CAL3007	Lý luận pháp luật về phòng chống tham nhũng	1	CAL3007	33	1	Đợt 1	Tự luận	90 phút	15h30	03/01	C0	Ca 4	
22	BIO3203	BIO3203	Sinh lý học thực vật	2	BIO3203	13	1	Đợt 1	Trắc nghiệm	90 phút	15h30	03/01	C0	Ca 4	
23	PHI1002	PHI1002 1÷4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	PHI1002 1÷4	418		Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	04/01	C0; C6	Ca 1	
24	INT2204	INT2204	Lập trình hướng đối tượng	1	INT2204	51	2	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	04/01	C0	Ca 1	
25	HIS2064	HIS2064	Lịch sử Thế giới cổ - trung đại	1	HIS2064	45	2	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	04/01	C0	Ca 1	

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiêu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
26	PHI1002	PHI1002 5÷7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	PHI1002 5÷7	310		Đợt 1	Tự luận	90 phút	09h30	04/01	C0	Ca 2	
27	POL1001	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	POL1001	100	4	Đợt 1	Tự luận	90 phút	15h30	04/01	C0	Ca 4	
28	TMT2068	TMT2068	Thực hành dạy học Lịch sử	1	TMT2068	11	1	Đợt 1	Thực hành		Theo lịch của Khoa Sư phạm	04/01			
29	TMT2031	TMT2031	Dạy học thí nghiệm Hóa học phổ thông	1	TMT2031	9	1	Đợt 1	Thực hành		Theo lịch của Khoa Sư phạm	04/01			
30	TMT3026	TMT3026 1÷2	Cơ sở khoa học xã hội	2	TMT3026 1÷2	106	4	Đợt 1	Tự luận	120 phút	07h30	05/01	C0	Ca 1	
31	EAM3009	EAM3009	Tiếng Anh chuyên ngành	1	EAM3009	47	2	Đợt 1	Trắc nghiệm kết hợp tự luận	90 phút	07h30	05/01	C0	Ca 1	
32	TMT2084	TMT2084 1÷2	Phương pháp dạy học Khoa học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2	2	TMT2084 1÷2	99	2	Đợt 1	Thực hành kết hợp vấn đáp	Sáng	Theo lịch của Khoa Sư phạm	05/01	C0	Ca 1	
33	PSE3067	PSE3067 1÷2	Giáo dục hòa nhập trong giáo dục mầm non	2	PSE3067 1÷2	82	3	Đợt 1	Trắc nghiệm kết hợp tự luận	90 phút	09h30	05/01	C0	Ca 2	
34	SIN1001	SIN1001 1÷2	Hán Nôm cơ sở	2	SIN1001 1÷2	104	4	Đợt 1	Tự luận	90 phút	13h30	05/01	C0	Ca 3	
35	TMT2014	TMT2014	Đại số cho dạy học Toán phổ thông	1	TMT2014	28	1	Đợt 1	Tự luận	90 phút	13h30	05/01	C0	Ca 3	
36	CHE1077	CHE1077	Hóa học vô cơ 1	1	CHE1077	42	1	Đợt 1	Trắc nghiệm	90 phút	13h30	05/01	C0	Ca 3	Được sử dụng tài liệu
37	TMT5075	TMT5075 1÷2	Dạy học chủ đề chất và sự biến đổi của chất	2	TMT5075 1÷2	81	2	Đợt 1	Thực hành		Theo lịch của Khoa Sư phạm	05/01			

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiểu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
38	PSE3065	PSE3065 1÷2	Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	2	PSE3065 1÷2	63	2	Đợt 1	Thực hành kết hợp vấn đáp	Cả ngày	Theo lịch của khoa Các Khoa học giáo dục	05/01			
39	TMT2013	TMT2013	Xêmina về Giáo dục Toán học	1	TMT2013	56	1	Đợt 1	Thực hành kết hợp vấn đáp		Theo lịch của Khoa Sư phạm	05/01			
40	EDT3001	EDT3001	Nhập môn Quản trị công nghệ giáo dục	1	EDT3001	55	1	Đợt 1	Thực hành kết hợp vấn đáp		Theo lịch của khoa Công nghệ giáo dục	05/01	C0		
41	EDT4005	EDT4005	Phát triển chương trình đào tạo số	1	EDT4005	52	1	Đợt 1	Thực hành kết hợp vấn đáp		Theo lịch của khoa Công nghệ giáo dục	05/01	C0		
42	MAT2300	MAT2300 1÷3	Đại số tuyến tính 1	3	MAT2300 1÷3	129	3	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	06/01	C0	Ca 1	
43	BIO2202	BIO2202 1-4	Hóa sinh học	2	BIO2202 1-4	34	1	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	06/01	C0	Ca 1	
44	PHY2304	PHY2304	Quang học	1	PHY2304	34	1	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	06/01	C0	Ca 1	
45	CHE1078	CHE1078	Các phương pháp vật lý và hóa lý ứng dụng trong hoá học	1	CHE1078	28	1	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	06/01	C0	Ca 1	
46	INT2203	INT2203	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	1	INT2203	63	2	Đợt 1	Tự luận	90 phút	09h30	06/01	C0	Ca 2	
47	SCA3015	SCA3015	Kỹ năng giao tiếp của chuyên viên quản trị trường học	1	SCA3015	36	1	Đợt 1	Vấn đáp		Theo lịch của khoa Quản lý giáo dục	06/01	C0		

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiểu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
48	PSE3064	PSE3064 1÷2	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	2	PSE3064 1÷2	63	2	Đợt 1	Thực hành	Sáng	Theo lịch của khoa Các Khoa học giáo dục	06/01			
49	TMT2043	TMT2043	Dạy học tích hợp Sinh học với các môn khoa học khác	1	TMT2043	16	1	Đợt 1	Thực hành		Theo lịch của Khoa Sư phạm	06/01			
50	EDM2001	EDM2001 1 ÷7	Phát triển chương trình giáo dục	7	EDM2001 1 ÷7	455		Đợt 1	Tiểu luận			06/01	P603-C0		
51	EAM2001	EAM2001	Thực hành thống kê ứng dụng trong giáo dục	1	EAM2001	40	1	Đợt 1	Thực hành		Theo lịch của khoa Quản trị chất lượng	07/01			
52	TMT2040	TMT2040	Phương pháp dạy học Sinh học	1	TMT2040	18	1	Đợt 1	Thực hành		Theo lịch của Khoa Sư phạm	08/01			
53	MAT2304	MAT2304 1÷2	Giải tích 3	2	MAT2304 1÷2	115	3	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	09/01	C0	Ca 1	
54	CHE1079	CHE1079	Hoá học môi trường	1	CHE1079	81	2	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	09/01	C0	Ca 1	
55	PHY1108	PHY1108	Giải tích 2	1	PHY1108	33	1	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	09/01	C0	Ca 1	
56	SCA3016	SCA3016	Hệ thống thông tin trong quản trị nhà trường	1	SCA3016	33	1	Đợt 1	Tự luận	90 phút	09h30	09/01	C0	Ca 2	
57	TMT3035	TMT3035 1÷2	Phương pháp dạy học toán ở Tiểu học 2	2	TMT3035 1÷2	98	4	Đợt 1	Tự luận	90 phút	13h30	09/01	C0	Ca 3	
58	TMT5076	TMT5076 1÷2	Dạy học chủ đề vật sống	2	TMT5076 1÷2	97	2	Đợt 1	Thực hành		Theo lịch của Khoa Sư phạm	09/01			

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiểu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
59	EDT3002	EDT3002	Kiến trúc và mạng máy tính	1	EDT3002	54	1	Đợt 1	Thực hành kết hợp vấn đáp		Theo lịch của khoa Công nghệ giáo dục	09/01	C0		
60	TMT2035	TMT2035	Dạy học Hóa học phổ thông theo chuyên đề	1	TMT2035	10		Đợt 1	Tiểu luận			09/01	P605-C0		
61	TMT2010	TMT2010 1÷2	Phương pháp dạy và học môn Toán	2	TMT2010 1÷2	79	2	Đợt 1	Thực hành kết hợp vấn đáp		Theo lịch của Khoa Sư phạm	09/01; 10/01			
62	TMT3009	TMT3009 1÷7	Lý luận dạy học	7	TMT3009 1÷7	315	7	Đợt 1	Báo cáo tiểu luận		Theo lịch của Khoa Sư phạm	09/01; 10/01; 11/01			
63	SCA2006	SCA2006	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường	1	SCA2006	58	2	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	10/01	C0	Ca 1	
64	MAT3300	MAT3300 1÷3	Đại số đại cương	3	MAT3300 1÷3	121	3	Đợt 1	Tự luận	90 phút	13h30	10/01	C0	Ca 3	
65	CHE2114	CHE2114	Hóa học hữu cơ 2	1	CHE2114	25	1	Đợt 1	Tự luận	90 phút	13h30	10/01	C0	Ca 3	
66	TMT2062	TMT2062	Kỹ thuật dạy học Lịch sử	1	TMT2062	14	1	Đợt 1	Thực hành		Theo lịch của Khoa Sư phạm	10/01			
67	PSE3078	PSE3078 1÷2	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	PSE3078 1÷2	63	2	Đợt 1	Thực hành kết hợp vấn đáp	Cả ngày	Theo lịch của khoa Các Khoa học giáo dục	10/01			

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiểu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
68	EDT4010	EDT4010	Ứng dụng và phát triển công nghệ thông minh (VR, AR, MR) trong giáo dục	1	EDT4010	56	1	Đợt 1	Thực hành kết hợp vấn đáp		Theo lịch của khoa Công nghệ giáo dục	10/01			
69	TMT3022	TMT3022 1÷2	Cơ sở tiếng Việt 3	2	TMT3022 1÷2	104		Đợt 1	Tiểu luận			10/01	P605-C0		
70	TMT3034	TMT3034 1÷2	Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 2	2	TMT3034 1÷2	97		Đợt 1	Tiểu luận			10/01	P605-C0		
71	TMT5072	TMT5072	Sinh quyển và biến đổi khí hậu	1	TMT5072	83		Đợt 1	Tiểu luận			10/01	P605-C0		
72	TMT2022	TMT2022	Phân tích nội dung, chương trình vật lí ở trường phổ thông	1	TMT2022	9		Đợt 1	Tiểu luận			10/01	P605-C0		
73	PHY2303	PHY2303 1÷2	Điện và từ học	2	PHY2303 1÷2	33	1	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	11/01	C0	Ca 1	Thi trùng khung giờ HUS
74	MAT1101	MAT1101	Xác suất thống kê	1	MAT1101	30	1	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	11/01	C0	Ca 1	
75	CHE1081	CHE1081	Hóa học hữu cơ	1	CHE1081	16	1	Đợt 1	Tự luận	90 phút	13h30	11/01	C0	Ca 3	
76	BIO2206	BIO2206	Sinh lý học người và động vật	1	BIO2206	25	1	Đợt 1	Trắc nghiệm	90 phút	13h00	11/01	C0	Ca 3	HUS thi lúc 13h00
77	TMT2021	TMT2021	Dạy học thí nghiệm Vật lí phổ thông	1	TMT2021	15	1	Đợt 1	Thực hành		Theo lịch của Khoa Sư phạm	11/01			
78	TMT2032	TMT2032	Dạy học bài tập Hóa học phổ thông	1	TMT2032	10		Đợt 1	Tiểu luận			11/01	P605-C0		

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiểu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
79	TMT2011	TMT2011	Phương pháp dạy học một số nội dung cơ bản trong chương trình Toán phổ thông	1	TMT2011	42	1	Đợt 1	Thực hành kết hợp vấn đáp		Theo lịch của Khoa Sư phạm	11/01; 12/01			
80	BIO3201	BIO3201 1÷3	Động vật học động vật không xương sống	3	BIO3201 1÷3	70	4	Đợt 1	Trắc nghiệm	90 phút	07h30	12/01	C0	Ca 1	
81	CHE1082	CHE1082	Cơ sở hóa học phân tích	1	CHE1082	28	1	Đợt 1	Tự luận	90 phút	13h30	12/01	C0	Ca 3	
82	PSE2003	PSE2003 1÷2	Thực hành sư phạm và phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội	2	PSE2003 1÷2	59	2	Đợt 1	Vấn đáp	Cả ngày	Theo lịch của khoa Các Khoa học giáo dục	12/01			
83	TMT3010	TMT3010 1÷2	Phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông	2	TMT3010 1÷2	86	2	Đợt 1	Thực hành	Cả ngày	Theo lịch của Khoa Sư phạm	12/01			
84	TMT2066	TMT2066	Phương pháp dạy học liên môn Lịch sử và Địa lý	1	TMT2066	40	1	Đợt 1	Thực hành		Theo lịch của Khoa Sư phạm	12/01			
85	TMT3043	TMT3043	Đô thị: Lịch sử và hiện tại	1	TMT3043	41		Đợt 1	Tiểu luận			12/01	P605-C0		
86	TMT2037	TMT2037	Dạy học Hóa học trong trường phổ thông theo hướng tích hợp và phân hóa	1	TMT2037	9		Đợt 1	Tiểu luận			12/01	P605-C0		
87	TMT1003	TMT1003 1÷4	Phương pháp dạy học hiện đại	4	TMT1003 1÷4	175	4	Đợt 1	Thực hành		Theo lịch của Khoa Sư phạm	12/01; 13/01			
88	MAT2302	MAT2302 1÷2	Giải tích 1	2	MAT2302 1÷2	125	3	Đợt 1	Tự luận	120 phút	07h30	13/01	C0	Ca 1	

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiểu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
89	INT1050	INT1050	Toán học rời rạc	1	INT1050	53	2	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	13/01	C0	Ca 1	
90	SCA3009	SCA3009	Quản trị thương hiệu và Marketing của nhà trường	1	SCA3009	36	1	Đợt 1	Tự luận	90 phút	07h30	13/01	C0	Ca 1	
91	EAM2052	EAM2052 1÷3	Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục	3	EAM2052 1÷3	131	4	Đợt 1	Trắc nghiệm	60 phút	07h30	13/01	C0	Ca 1	
92	INT3110	INT3110	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	1	INT3110	50	2	Đợt 1	Tự luận	90 phút	09h30	13/01	C0	Ca 2	
93	CHE1090	CHE1090	Hóa học vô cơ 2	1	CHE1090	27	1	Đợt 1	Tự luận	90 phút	13h30	13/01	C0	Ca 3	
94	PSE3075	PSE3075 1÷2	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	2	PSE3075 1÷2	82	2	Đợt 1	Thực hành	Cả ngày	Theo lịch của khoa Các Khoa học giáo dục	13/01			
95	TMT2058	TMT2058 1÷2	Phương pháp dạy học tạo lập văn bản ở trường phổ thông	2	TMT2058 1÷2	86	2	Đợt 1	Thực hành kết hợp vấn đáp		Theo lịch của Khoa Sư phạm	13/01			
96	PHY1103	PHY1103 1÷2	Điện - Quang	2	PHY1103 1÷2	73	2	Đợt 1	Trắc nghiệm	90 phút	13h00	14/01	C0	Ca 3	Thi trùng khung giờ HUS
97	EDM2002	EDM2002 1 ÷7	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và đào tạo	7	EDM2002 1 ÷7	440		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		
98	EDM1004	EDM1004 1÷3	Xã hội học giáo dục	3	EDM1004 1÷3	149		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiểu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
99	LIT3051	LIT3051 1÷2	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945	2	LIT3051 1÷2	117		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
100	LIT3044	LIT3044 1÷2	Văn học dân gian Việt Nam	2	LIT3044 1÷2	114		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
101	LIT3053	LIT3053 1÷2	Văn học Trung Quốc	2	LIT3053 1÷2	106		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
102	TMT3028	TMT3028 1÷2	Ngữ dụng học	2	TMT3028 1÷2	101		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
103	SCA2002	SCA2002 1÷2	Giám sát hoạt động Giáo dục trong Nhà trường	2	SCA2002 1÷2	100		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		
104	TMT3011	TMT3011 1÷2	Ngôn ngữ nghệ thuật	2	TMT3011 1÷2	100		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
105	EAM3006	EAM3006 1÷2	Đảm bảo chất lượng trong giáo dục	2	EAM3006 1÷2	94		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P602-C0		
106	TMT2091	TMT2091 1÷2	Dạy học tích hợp ở tiểu học	2	TMT2091 1÷2	92		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
107	TMT2059	TMT2059 1÷2	Dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông theo hướng tích hợp	2	TMT2059 1÷2	85		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
108	TMT5071	TMT5071	Sinh thái học môi trường	1	TMT5071	67		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
109	LIN1102	LIN1102	Phong cách học Tiếng Việt	1	LIN1102	65		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
110	SCA1002	SCA1002	Đại cương về Quản trị trường học	1	SCA1002	57		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		
111	MNS2064	MNS2064	Hành chính học đại cương	1	MNS2064	55		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiểu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
112	SCA1001	SCA1001	Quản trị học	1	SCA1001	55		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		
113	EAM3001	EAM3001	Xây dựng văn hóa chất lượng nhà trường	1	EAM3001	54		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P602-C0		
114	EVS1001	EVS1001	Môi trường và phát triển	1	EVS1001	53		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		
115	SCA2010	SCA2010	Kỹ năng Quản trị Trường học 2	1	SCA2010	52		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		
116	SCA3002	SCA3002	Chính sách và thực thi quản trị trường học	1	SCA3002	52		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		
117	EDT4008	EDT4008	Phát triển học liệu số	1	EDT4008	51		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P505-C0		
118	HIS2104	HIS2104	Lịch sử Việt Nam hiện đại	1	HIS2104	51		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
119	SCA2003	SCA2003	Quản lý chương trình nhà trường	1	SCA2003	51		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		
120	SCA3003	SCA3003	Quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường	1	SCA3003	51		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		
121	SCA2012	SCA2012	Kỹ thuật điều hành nhà trường	1	SCA2012	48		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		
122	EAM2002	EAM2002	Đại cương về quản trị chất lượng giáo dục	1	EAM2002	47		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P602-C0		
123	SCA3040	SCA3040	Giám sát hoạt động dạy học trong nhà trường	1	SCA3040	47		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		
124	TMT3019	TMT3019	Các cuộc phát kiến địa lí	1	TMT3019	42		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiểu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
125	TMT2016	TMT2016	Hình học cho dạy học Toán phổ thông	1	TMT2016	37		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
126	SCA3010	SCA3010	Lãnh đạo sáng tạo	1	SCA3010	36		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		
127	PHY3606	PHY3606	Điện động lực học	1	PHY3606	31	1	Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
128	EDM3009	EDM3009	Huy động cộng đồng phát triển giáo dục	1	EDM3009	29		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P603-C0		
129	TMT3012	TMT3012	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	1	TMT3012	27		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
130	LIT3055	LIT3055	Văn học Nga	1	LIT3055	24		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
131	JOU2010	JOU2010	Truyền thông và quan hệ công chúng	1	JOU2010	18		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P608-C0		
132	ITS1101	ITS1101	Thẻ chế chính trị thế giới	1	ITS1101	13		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	Nộp trực tiếp cho GV		
133	TMT2020	TMT2020	Phương pháp dạy học Vật lí	1	TMT2020	13		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
134	TMT2045	TMT2045	Dạy bài tập Sinh học phổ thông	1	TMT2045	13		Đợt 1	Tiểu luận			14/01	P605-C0		
135	BIO2203	BIO2203 1÷3	Di truyền học	3	BIO2203 1÷3	75	2	Đợt 1	Trắc nghiệm	90 phút	08h30	31/01	C0		HUS thi lúc 08h30
136	PHY2307	PHY2307 1÷5	Thực hành Vật lí đại cương 1	5	PHY2307 1÷5	79	5	Đợt 1	Vấn đáp		Theo lịch của Khoa Sư phạm				
137	HIS2061	HIS2061	Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại	1	HIS2061	44	1	Đợt 1	Vấn đáp		GV tự tổ chức				

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiểu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
138	PHY3506	PHY3506	Các phương pháp thí nghiệm trong Vật lý hiện đại	1	PHY3506	31	1	Đợt 1	Vấn đáp		GV tự tổ chức				
139	PSE3062	PSE3062 1÷2	Toán và phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	2	PSE3062 1÷2	82	2	Đợt 1	Thực hành		Theo lịch của khoa Các Khoa học giáo dục				
140	PSE3077	PSE3077 1÷2	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	2	PSE3077 1÷2	82	2	Đợt 1	Thực hành		Theo lịch của khoa Các Khoa học giáo dục				
141	CHE1054	CHE10451÷2	Thực tập hóa học vô cơ 1	2	CHE10451÷2	33	1	Đợt 1	Thực hành		GV tự tổ chức				
142	CHE1191	CHE1191	Thực tập hóa học hữu cơ 1	1	CHE1191	20	1	Đợt 1	Thực hành		GV tự tổ chức				
143	PSE2006	PSE2006 1÷5	Tư vấn tâm lý học đường	5	PSE2006 1÷5	198		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
144	PSE2004	PSE2004 1÷2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	PSE2004 1÷2	88		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
145	PSE2028	PSE2028	Tâm lý học giáo dục học sinh tiểu học	1	PSE2028	64		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
146	PSE3015	PSE3015	Chăm sóc và vệ sinh trẻ em	1	PSE3015	63		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
147	PSE3045	PSE3045	Tâm lý học giáo dục trẻ mầm non	1	PSE3045	63		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
148	PSE3003	PSE3003 1÷2	Giáo dục giới và giới tính	2	PSE3003 1÷2	57		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
149	PSY2032	PSY2032	Tâm lý học nhân cách	1	PSY2032	52		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiểu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
150	PSE3001	PSE3001	Lý thuyết phát triển con người và học tập	1	PSE3001	48		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
151	PSE3032	PSE3032	Tham vấn học sinh có hành vi lệch chuẩn	1	PSE3032	46		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
152	PSE3035	PSE3035	Tham vấn khủng hoảng trong trường học	1	PSE3035	44		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
153	PSE3031	PSE3031	Tổ chức dịch vụ tham vấn học đường	1	PSE3031	43		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
154	SOW2004	SOW2004	Hành vi con người và môi trường xã hội	1	SOW2004	43		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
155	PSE3039	PSE3039	Đánh giá trí tuệ và kết quả học tập	1	PSE3039	28		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
156	PSE3038	PSE3038	Đánh giá khuyết tật và phân tích hành vi chức năng học sinh	1	PSE3038	27		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
157	PSE3008	PSE3008	Giáo dục gia đình	1	PSE3008	26		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
158	PSE3010	PSE3010	Giáo dục và phát triển bền vững	1	PSE3010	15		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
159	SOW3022	SOW3022	Công tác xã hội trong trường học	1	SOW3022	15		Đợt 1	Tiểu luận		GV tự tổ chức		P608-C0		
160	CHE1051	CHE1051 1÷2	Hóa học đại cương 1	2	CHE1051 1÷2	135	4	Đợt 2	Trắc nghiệm	90 phút	08h30	30/01	Hòa Lạc	Ca 1	Được sử dụng bảng HTTH Hóa học

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiêu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
161	EAM3002	EAM3002 4÷8	Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục	8	EAM3002 4÷8	296	10	Đợt 2	Trắc nghiệm kết hợp tự luận	90 phút	08h30	30/01	C0	Ca 1	
162	EAM3002	EAM3002 9÷11	Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục	3	EAM3002 9÷11	248	9	Đợt 2	Trắc nghiệm kết hợp tự luận	90 phút	09h30	30/01	C0	Ca 2	
163	PSE2009	PSE2009 1÷5	Nhập môn khoa học giáo dục	5	PSE2009 1÷5	294		Đợt 2	Trắc nghiệm kết hợp tự luận	90 phút	14h00	30/01	Hòa Lạc	Ca 3	
164	EDT2001	EDT2001 12÷14	Nhập môn Công nghệ Giáo dục	3	EDT2001 12÷14	202	3	Đợt 2	Thực hành kết hợp vấn đáp		Theo lịch của khoa Công nghệ giáo dục	30/01; 31/01	Hòa Lạc		
165	HIS1053	HIS1053 1÷2	Lịch sử văn minh thế giới	2	HIS1053 1÷2	90	3	Đợt 2	Tự luận	90 phút	08h30	31/01	Hòa Lạc	Ca 1	
166	EDM2013	EDM2013 1÷6	Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục	11	EDM2013 1÷6	296	9	Đợt 2	Trắc nghiệm	60 phút	07h30	31/01	C0	Ca 1	
167	MAT1091	MAT1091 1÷2	Giải tích 1	2	MAT1091 1÷2	66	2	Đợt 2	Tự luận	120 phút	14h00	31/01	Hòa Lạc	Ca 3	
168	EDM2013	EDM2013 7÷11	Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục	11	EDM2013 7÷11	249	9	Đợt 2	Trắc nghiệm	60 phút	13h30	31/01	C0	Ca 3	
169	TMT2056	TMT2056 1÷2	Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành	2	TMT2056 1÷2	67	2	Đợt 2	Thực hành		Theo lịch của Khoa Sư phạm	31/01	Hòa Lạc		
170	PHI1006	PHI1006 1÷6	Triết học Mac-Lenin	6	PHI1006 1÷6	581		Đợt 2	Trắc nghiệm trên máy	60 phút	Theo lịch SV đã đăng ký	01/02; 02/02; 03/02	CET, ĐHQGHN		
171	PHI1006	PHI1006 7÷10	Triết học Mac-Lenin	4	PHI1006 7÷10	384		Đợt 2	Trắc nghiệm trên máy	60 phút	Theo lịch SV đã đăng ký	01/02; 02/02; 03/02	Hòa Lạc		

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiêu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
172	TMT3023	TMT3023 1÷2	Cơ sở Toán học 1	2	TMT3023 1÷2	92		Đợt 2	Trắc nghiệm kết hợp tự luận	90 phút	14h00	03/02	Hòa Lạc	Ca 3	
173	LIN2033	LIN2033 1÷2	Dẫn luận ngôn ngữ	2	LIN2033 1÷2	90		Đợt 2	Tự luận	90 phút	08h30	04/02	Hòa Lạc	Ca 1	
174	PSE2008	PSE2008 1÷4	Tâm lí học giáo dục	7	PSE2008 1÷4	298	11	Đợt 2	Trắc nghiệm kết hợp tự luận	90 phút	08h30	04/02	C0	Ca 1	
175	PSE2008	PSE2008 5÷7	Tâm lí học giáo dục	7	PSE2008 5÷7	249	9	Đợt 2	Trắc nghiệm kết hợp tự luận	90 phút	14h00	04/02	C0	Ca 3	
176	EDT2001	EDT2001 1÷11	Nhập môn Công nghệ Giáo dục	11	EDT2001 1÷11	544	11	Đợt 2	Thực hành kết hợp vấn đáp		Theo lịch của khoa Công nghệ giáo dục	05/02; 11/02; 12/02	C0		
177	PSE2026	PSE2026 1÷2	Tâm lí học đại cương	2	PSE2026 1÷2	159		Đợt 2	Tiểu luận		GV tự tổ chức		Hòa Lạc		
178	TMT3020	TMT3020 1÷2	Cơ sở tiếng Việt 1	2	TMT3020 1÷2	92		Đợt 2	Tiểu luận		GV tự tổ chức		Hòa Lạc		
179	PSE2004	PSE2004 3÷4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	PSE2004 3÷4	90		Đợt 2	Tiểu luận		GV tự tổ chức		Hòa Lạc		
180	PSE3004	PSE3004	Sinh lí học trẻ em tuổi mầm non	1	PSE3004	67		Đợt 2	Tiểu luận		GV tự tổ chức		Hòa Lạc		
181	GDTC1		GDTC	8							Theo lịch của TT GDTC				
182	PES1005		Aerobic	2							Theo lịch của TT GDTC				
183	PES1015		Bóng chuyền	4							Theo lịch của TT GDTC				

STT	Mã học phần	Mã ca thi	Tên học phần	Số LHP	Các mã lớp học phần dự thi	Số SV	Số phòng thi	Đợt thi	Hình thức thi	Thời gian làm bài thi	Giờ bắt đầu làm bài thi	Ngày thi/ Ngày nộp tiêu luận	Địa điểm thi /nộp TL	Ca thi	Ghi chú
184	PES1017		Bóng chuyền hơi	2							Theo lịch của TT GDTC				
185	PES1020		Bóng rổ	4							Theo lịch của TT GDTC				
186	PES1025		Bóng đá	2							Theo lịch của TT GDTC				
187	PES1050		Taewondo	2							Theo lịch của TT GDTC				
188	TMT3050		Thực tập sư phạm	5	Sinh viên khóa QH-2019-S						Theo Đề cương được duyệt				
189	TMT3051		Thực tập sư phạm và rèn nghề	6	Sinh viên khóa QH-2020-S; QH-2021-S						Theo Đề cương được duyệt				
190	TMT3013		Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục	4	Sinh viên các khóa QH-2020 trở đi và sinh viên bằng kép						Theo Đề cương được duyệt		Nộp điểm về Trường trước 28/02/2023		
		TỔNG CỘNG				15981	266								